



NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS

BIGBOSS INTERNATIONAL COMMERCIAL
ARBITRATION CENTER

QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI

RULES ARBITRATION PROCEEDINGS

(Có hiệu lực từ ngày 23 tháng 06 năm 2023)

(Effective from June 23, 2023)



NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ

QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS (BBIAC)

Phê duyệt kèm theo Quyết định số 01/10/QĐ-TTTTTM.
Approval attached to Decision No. 01/10/QĐ-TTTTTM.

BBIAC

NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Quốc Tế Bigboss.

CHỦ TỊCH

- Căn cứ Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/06/2010;
- Căn cứ Nghị định số 63/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Trọng Tài Thương Mại 2010;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Quốc Tế Bigboss.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thành viên Ban điều hành, các Trọng tài viên, Nguyên đơn, Bị đơn, các bên khác tham gia tổ tụng và toàn bộ nhân viên của Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.





**QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI
CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS**

(Có hiệu lực từ ngày 23 tháng 06 năm 2023)

**ARBITRAL PROCEEDING RULES
OF BIGBOSS INTERNATIONAL
COMMERCIAL ARBITRATION CENTER**

(Effective from June 23, 2023)

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Quốc Tế Bigboss (“Quy tắc”) được áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Giải quyết các vụ tranh chấp tại Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Quốc Tế Bigboss (“BIGBOSS INTERNATIONAL” hoặc “BBIAC”).
2. Trong trường hợp các bên thỏa thuận tranh chấp được giải quyết bởi BBIAC hoặc tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài theo Quy tắc tổ tụng của BBIAC, các bên được xem là đã đồng ý thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc BBIAC và theo Quy tắc này.
3. Quy tắc này được áp dụng để giải quyết các vụ tranh chấp có tổ tụng trọng tài bắt đầu kể từ ngày ban hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Article 1. Scope of application

The Arbitral Proceeding Rules of the Bigboss International Commercial Arbitration Center (“Rules”) shall apply in the following cases:

1. Resolve disputes at the Bigboss International Commercial Arbitration Center (“BIGBOSS INTERNATIONAL” or “BBIAC”).
2. In the event that the parties agree that the dispute shall be resolved by BBIAC or that the dispute shall be resolved by arbitration under the Rules of Procedure of BBIAC, the parties shall be deemed to have agreed to the jurisdiction of BBIAC and under these Rules.

3. These Rules shall apply to the settlement of disputes subject to arbitration proceedings commencing on or after the date of promulgation, unless the parties otherwise agree.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “BIGBOSS INTERNATIONAL” hoặc “BBIAC” là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Quốc Tế Bigboss.
2. “Hội đồng Trọng tài” là Hội đồng Trọng tài được thành lập theo Quy tắc này, gồm ba Trọng tài viên hoặc một Trọng tài viên duy nhất.
3. “Tranh chấp có yếu tố nước ngoài” là tranh chấp được xác định là tranh chấp có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. “Danh sách Trọng tài viên” là Danh sách Trọng tài viên của BBIAC.
5. “Nguyên đơn” bao gồm một hoặc nhiều Nguyên đơn.
6. “Bị đơn” bao gồm một hoặc nhiều Bị đơn.

Article 2. Interpretation of terms

1. “BIGBOSS INTERNATIONAL” or “BBIAC” is the Bigboss International Commercial Arbitration Center.
2. “Arbitral Tribunal” means the Arbitral Tribunal constituted under these Rules, consisting of three Arbitrators or a sole Arbitrator.

3. “Dispute with foreign elements” is a dispute determined to have foreign elements according to the provisions of Vietnamese law.
4. “List of Arbitrators” means the BBIAC List of Arbitrators.
5. “Plaintiff” includes one or more Plaintiffs.
6. “Defendant” includes one or more Defendants.

Điều 3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của BBIAC

BBIAC giải quyết các loại tranh chấp sau:

1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.
2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.
3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài thương mại.

Article 3. BBIAC's jurisdiction to resolve disputes

BBIAC resolves the following types of disputes:

1. Disputes between parties arising from commercial activities.
2. Disputes arising between parties at least one of whom is engaged in commercial activities.
3. Other disputes between parties that the law stipulates shall be resolved by commercial arbitration.

Điều 4. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật do các bên thỏa thuận; trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì Hội đồng Trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất.
3. Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng tập quán thích hợp để giải quyết tranh chấp.
4. Trong mọi trường hợp, Hội đồng Trọng tài phải xem xét các điều khoản của hợp đồng nếu có để giải quyết tranh chấp.

Article 4. Law applicable to dispute resolution

1. For disputes without foreign elements, the Arbitration Council shall apply Vietnamese law to resolve the dispute.
2. For disputes involving foreign elements, the Arbitration Council shall apply the law agreed upon by the parties; in the event that the parties do not have an agreement on the applicable law, the Arbitration Council shall decide to apply the law that the Arbitration Council deems most appropriate.
3. The Arbitral Tribunal may apply appropriate practices to resolve disputes.
4. In all cases, the Arbitral Tribunal shall consider the terms of the contract, if any, to resolve the dispute.

Điều 5. Địa điểm trọng tài

1. Địa điểm trọng tài do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không có thỏa thuận, Hội đồng Trọng tài quyết định địa điểm mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất.
2. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức cuộc họp bằng phương thức mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất.

Article 5. Place of arbitration

1. The place of arbitration shall be agreed upon by the parties. In the absence of agreement, the Arbitral Tribunal shall decide on the place it deems most appropriate.
2. Unless otherwise agreed by the parties, the Arbitral Tribunal may hold the session in such manner as the Arbitral Tribunal considers most appropriate.

Điều 6. Ngôn ngữ trọng tài

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc tranh chấp mà ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không có thỏa thuận, ngôn ngữ trọng tài do Hội đồng Trọng tài quyết định, có tính đến các yếu tố liên quan bao gồm ngôn ngữ của hợp đồng.

3. Nếu tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội đồng Trọng tài hoặc BBIAC, trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có thể yêu cầu một bên hoặc các bên cung cấp bản dịch.

Article 6. Language of arbitration

1. For disputes without foreign elements, the language used in arbitration proceedings is Vietnamese.

2. For disputes involving foreign elements or disputes in which at least one party is a foreign-invested enterprise, the language used in the arbitration proceedings shall be agreed upon by the parties. In the absence of an agreement, the language of arbitration shall be decided by the Arbitration Council, taking into account relevant factors including the language of the contract.

3. If the document is drawn up in a language other than the language of arbitration, the Arbitral Tribunal or the BBIAC, where the Arbitral Tribunal has not yet been constituted, may request a party or parties to provide a translation.

Điều 7. Tranh chấp từ nhiều hợp đồng

Các yêu cầu khởi kiện phát sinh từ hoặc liên quan đến nhiều hơn một hợp đồng có thể được gộp trong một Đơn khởi kiện để được giải quyết trong một vụ tranh chấp, cho dù các yêu cầu đó được lập trên cơ sở một hoặc nhiều thỏa thuận trọng tài. Thẩm quyền quyết định thuộc về BBIAC.

Article 7. Disputes from multiple contracts

Claims arising from or relating to more than one contract may be consolidated into one Petition for settlement in a single dispute, whether or not they are based on one or more arbitration agreements. The jurisdiction to decide shall rest with the BBIAC.

Điều 8. Gộp nhiều vụ tranh chấp vào một vụ tranh chấp

1. Các bên có thể thỏa thuận gộp nhiều vụ tranh chấp vào một vụ tranh chấp. Thẩm quyền quyết định thuộc về BBIAC.
2. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, các vụ tranh chấp được gộp vào vụ tranh chấp có tố tụng trọng tài bắt đầu trước tiên.

Article 8. Merging multiple disputes into one dispute

1. The parties may agree to consolidate several disputes into one dispute. The deciding authority rests with the BBIAC.
2. Unless otherwise agreed by the parties, disputes shall be consolidated into the dispute in which the arbitration proceedings commenced first.

Điều 9. Số lượng Trọng tài viên giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất hoặc ba Trọng tài viên theo sự thỏa thuận của các bên.

2. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.

Article 9. Number of Arbitrators to resolve disputes

1. Disputes shall be resolved by an Arbitration Council consisting of a sole Arbitrator or three Arbitrators as agreed by the parties.

2. In the event that the parties do not agree that the dispute shall be resolved by an Arbitral Tribunal consisting of a Sole Arbitrator, the dispute shall be resolved by an Arbitral Tribunal consisting of three Arbitrators.

Điều 10. Bắt đầu tố tụng trọng tài

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, tố tụng trọng tài bắt đầu từ ngày BBIAC nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn theo quy định tại Điều 14 của Quy tắc này.

Article 10. Commencement of arbitration proceedings

Unless otherwise agreed by the parties, the arbitration proceedings shall commence on the date on which the BBIAC receives the Plaintiff's Request for Arbitration as provided in Article 14 of these Rules.

Điều 11. Việc gửi thông báo, tài liệu; cách tính thời hạn

1. Thông báo, tài liệu do một bên gửi đến BBIAC phải đủ số bản để BBIAC gửi cho các thành viên của Hội đồng Trọng tài mỗi người một bản, bên còn lại trong vụ tranh chấp một bản và lưu tại BBIAC một bản.
2. Các thông báo, tài liệu được BBIAC gửi đến các bên hoặc người đại diện của các bên theo địa chỉ do các bên cung cấp và có thể được gửi bằng phương thức giao nhận trực tiếp, thư bảo đảm, thư điện tử, fax hoặc bất kỳ phương thức nào khác có ghi nhận việc gửi này.
3. Thông báo, tài liệu do BBIAC gửi tới các bên được xem là đã được nhận vào ngày mà các bên hoặc đại diện của các bên đã nhận, hoặc được xem là đã nhận nếu thông báo, tài liệu đó đã được gửi phù hợp với khoản 2 Điều này.
4. Thời hạn quy định trong Quy tắc này bắt đầu được tính kể từ ngày tiếp theo ngày mà thông báo, tài liệu được xem là đã nhận được theo quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu ngày tiếp theo đó không phải là ngày làm việc theo quy định của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhận, thời hạn này bắt đầu được tính từ ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn không phải là ngày làm việc theo quy định của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhận, thời hạn này kết thúc vào cuối ngày làm việc đầu tiên tiếp theo.

Article 11. Sending notices and documents; method of calculating the term

1. Notices and documents sent by a party to BBIAC must be in sufficient copies for BBIAC to send one copy to each member of the Arbitral Tribunal, one copy to the other party in the dispute, and one copy to be kept at BBIAC.

2. Notices and documents shall be sent by BBIAC to the parties or their representatives at the addresses provided by the parties and may be sent by direct delivery, registered mail, email, fax, or any other method that records such delivery.
3. Notices and documents sent by BBIAC to the parties shall be deemed to have been received on the date on which they were received by the parties or their representatives or shall be deemed to have been received if such notices and documents have been sent in accordance with paragraph 2 of this Article.
4. The term prescribed in this Rule shall begin to be counted from the day following the day on which the notice or document is deemed to have been received as prescribed in Clause 3 of this Article. If the following day is not a working day according to the regulations of the receiving country or territory, the term shall begin to be counted from the first following working day. If the last day of the term is not a working day according to the regulations of the receiving country or territory, the term shall end at the end of the first following working day.

Điều 12. Tham gia tố tụng trọng tài

1. Các bên có thể tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tham gia tố tụng trọng tài.
2. Hội đồng Trọng tài hoặc BBIAC, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ chứng minh thẩm quyền của người tham gia tố tụng trọng tài.
3. Trường hợp một bên tham gia tố tụng trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, tố tụng trọng tài được thực hiện theo quy định tại khoản 1.1 Điều 29 của Quy tắc này, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác

4. Trường hợp một bên tham gia tổ tụng trọng tài là tổ chức chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, tổ tụng trọng tài được thực hiện theo quy định tại khoản 1.2 Điều 29 của Quy tắc này, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Article 12. Participation in arbitration proceedings

1. The parties may participate directly or authorize a valid representative to participate in the arbitration proceedings.

2. The Arbitral Tribunal or the BBIAC, if the Arbitral Tribunal has not yet been constituted, shall have the power to request the parties to provide evidence proving the competence of the person participating in the arbitration proceedings.

3. In case a party to the arbitration proceedings is an individual who dies or loses his/her capacity for civil acts, the arbitration proceedings shall be conducted in accordance with the provisions of Clause 1.1, Article 29 of these Rules, unless the parties have agreed otherwise.

4. In case a party to an arbitration proceeding is an organization that ceases operations, goes bankrupt, dissolves, consolidates, merges, divides, separates, or changes its organizational form, the arbitration proceeding shall be conducted in accordance with the provisions of Clause 1.2, Article 29 of these Rules, unless otherwise agreed by the parties.

Điều 13. Mất quyền phản đối

Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của pháp luật về trọng tài hoặc của Quy tắc này hoặc của thoả thuận

trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm đó trong thời hạn do pháp luật liên quan hoặc Quy tắc này quy định, thì mất quyền phản đối. Đối với các trường hợp không quy định thời hạn phản đối, việc phản đối phải được đưa ra chậm nhất trước thời điểm Hội đồng Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là phiên họp cuối cùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn.

Article 13. Loss of right to object

In the event that a party discovers a violation of the provisions of the law on arbitration or of these Rules or of the arbitration agreement but continues to conduct the arbitration proceedings and does not object to such violations within the term prescribed by the relevant law or these Rules, the right to object shall be lost. In cases where no term for objection is specified, the objection must be made at the latest before the time the Arbitration Council declares the dispute resolution session to be the final session, unless the parties have agreed otherwise on the term.

Điều 14. Đơn khởi kiện

1. Đơn khởi kiện phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1. Ngày, tháng, năm lập đơn khởi kiện;
- 1.2. Tên, địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn;
- 1.3. Tên, địa chỉ của người làm chứng, nếu có;
- 1.4. Tóm tắt nội dung vụ tranh chấp;
- 1.5. Cơ sở khởi kiện;

- 1.6. Trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu cụ thể của Nguyên đơn;
 - 1.7. Tên Trọng tài viên được Nguyên đơn chọn hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 18 của Quy tắc này;
 - 1.8. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc của Người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân Nguyên đơn hoặc của Người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.
2. Kèm theo Đơn khởi kiện phải có thỏa thuận trọng tài, bản chính hoặc bản sao các tài liệu có liên quan.
 3. Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy tắc này.

Article 14. Petition

1. The petition must include the following main contents:
 - 1.1. Date of filing the petition;
 - 1.2. Name and address of the Plaintiff and Defendant;
 - 1.3. Name and address of witnesses, if any;
 - 1.4. Summary of the content of the dispute;
 - 1.5. Grounds for filing the lawsuit;

1.6. Value of the dispute and specific requests of the Plaintiff;

1.7. The name of the Arbitrator selected by the Plaintiff or requested by BBIAC to appoint an Arbitrator as prescribed in Clause 1, Article 18 of these Rules;

1.8. Signature of the Legal Representative or of the Authorized Representative in case the Plaintiff is an organization; signature of the individual Plaintiff or of the Authorized Representative in case the Plaintiff is an individual.

2. The Petition must be accompanied by the arbitration agreement and originals or copies of relevant documents.

3. The petition and accompanying documents must be submitted in sufficient copies as prescribed in Clause 1, Article 11 of these Rules.

Điều 15. Gửi Thông báo và Đơn khởi kiện

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Quy tắc này, BBIAC gửi tới Bị đơn Thông báo, Đơn khởi kiện và các tài liệu có liên quan, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn.

Article 15. Sending Notice and Petition

Within 07 days from the date of receipt of the Petition, other relevant documents, and arbitration fees as prescribed in Clause 1, Article 37 of these Rules, BBIAC shall send to the Defendant the

Notice, Petition and relevant documents, unless the parties have agreed otherwise on the term.

Điều 16. Bản tự bảo vệ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan từ BBIAC, Bị đơn phải gửi tới BBIAC Bản tự bảo vệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn.

2. Bản tự bảo vệ phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Ngày, tháng, năm lập Bản tự bảo vệ;

2.2. Tên và địa chỉ của Bị đơn;

2.3. Tên và địa chỉ của người làm chứng, nếu có;

2.4. Cơ sở và chứng cứ tự bảo vệ;

2.5. Tên của Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy tắc này;

2.6. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc của Người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân Bị đơn hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.

3. Trường hợp Bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Bị đơn phải nêu rõ phản đối trong Bản tự bảo vệ. Nếu Bị đơn không nêu rõ phản đối trong Bản tự bảo vệ, Bị đơn mất quyền phản đối, trong trường hợp này, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên.

4. Trong trường hợp có yêu cầu gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này.
5. Theo yêu cầu của Bị đơn, thời hạn gửi Bản tự bảo vệ của Bị đơn có thể được BBIAC gia hạn căn cứ vào từng trường hợp cụ thể nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và gửi tới BBIAC trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.
6. Bản tự bảo vệ và các tài liệu kèm theo phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy tắc này.
7. Trường hợp Bị đơn không nộp bản tự bảo vệ trong thời hạn quy định tại Điều này, tố tụng trọng tài vẫn được tiến hành.

Article 16. The Statement of Self-Defence

1. Within 30 days of receipt of the Notice, Petition and relevant documents from BBIAC, the Defendant must submit to BBIAC a Statement of Self-Defence, unless the parties have agreed otherwise on the term.
2. The Statement of Self-Defence must include the following main contents:
 - 2.1. Date, month, year of preparation of the Statement of Self-Defense;
 - 2.2. Name and address of the Defendant;
 - 2.3. Name and address of witnesses, if any;
 - 2.4. Basis and evidence of self-defense;

2.5. The name of the Arbitrator shall be selected by the Defendant or requested by the BBIAC to appoint an Arbitrator in accordance with Article 18.2 of these Rules;

2.6. Signature of the Legal Representative or of the Authorized Representative in case the Defendant is an organization; signature of the individual Defendant or of the Authorized Representative of the Defendant in case the Defendant is an individual.

3. In case the Defendant believes that the dispute is not within the jurisdiction of arbitration, there is no arbitration agreement, the arbitration agreement is invalid, or the arbitration agreement is unenforceable, the Defendant must clearly state its objection in the Statement of Self-Defence. If the Defendant fails to state its objection in the Statement of Self-Defence, the Defendant loses the right to object, in which case the Defendant must still select an Arbitrator or request the BBIAC to appoint an Arbitrator.

4. In case of a request for extension of the term for submitting the Statement of Self-Defense, the Defendant must still select an Arbitrator or request the BBIAC to appoint an Arbitrator within 30 days as prescribed in Clause 1 of this Article.

5. At the request of the Defendant, the term for submitting the Defendant's Statement of Self-Defence may be extended by BBIAC on a case-by-case basis but not more than 30 days from the end of the term specified in Clause 1 of this Article. The request for extension must be made in writing and sent to BBIAC within the term specified in Clause 1 of this Article.

6. The Statement of Self-Defence and accompanying documents must be submitted in sufficient copies as prescribed in Clause 1, Article 11 of these Rules.

7. In case the Defendant fails to submit a Statement of Self-Defence within the term prescribed in this Article, the arbitration proceedings shall still proceed.

Điều 17. Đơn kiện lại của Bị đơn

1. Bị đơn có quyền kiện lại Nguyên đơn về những vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp. Đơn kiện lại phải căn cứ vào thỏa thuận trọng tài mà dựa vào đó Nguyên đơn đã khởi kiện Bị đơn. Đơn kiện lại phải được lập bằng văn bản riêng, độc lập với Bản tự bảo vệ. Đơn kiện lại phải được gửi tới BBIAC vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.

2. Đơn kiện lại phải bao gồm có các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Ngày, tháng, năm lập đơn;

2.2. Tên và địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn;

2.3. Tên và địa chỉ của người làm chứng, nếu có;

2.4. Tóm tắt nội dung vụ kiện lại;

2.5. Cơ sở và chứng cứ kiện lại;

2.6. Trị giá của vụ kiện lại và các yêu cầu cụ thể khác của Bị đơn;

2.7. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc của Người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân Bị đơn hoặc Người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.

3. Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo phải lập đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy tắc này.

4. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày BBIAC nhận được Đơn kiện lại, các tài liệu kèm theo và phí trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Quy tắc này, BBIAC gửi tới Nguyên đơn Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu liên quan.

5. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo do BBIAC gửi, Nguyên đơn phải gửi tới BBIAC Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại. Bản tự bảo vệ phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy tắc này.

6. Theo yêu cầu của Nguyên đơn, thời hạn gửi Bản tự bảo vệ của Nguyên đơn đối với Đơn kiện lại có thể được BBIAC gia hạn căn cứ vào từng trường hợp cụ thể nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này. Yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và gửi tới BBIAC trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Đơn kiện lại được giải quyết bởi chính Hội đồng Trọng tài giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và được giải quyết đồng thời với Đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

Article 17. Defendant's counterclaim

1. The Defendant may bring a counterclaim against the Plaintiff on any matter relating to the dispute. The Counterclaim must be based on the arbitration agreement upon which the Plaintiff brought the action against the Defendant. The Counterclaim must be in a separate document, separate from the Statement of Self-Defence. The Counterclaim must be sent to the BBIAC at the same time as the Statement of Self-Defence is sent.

2. The counterclaim must include the following main contents:

- 2.1. Date of filing the petition;
- 2.2. Names and addresses of the Plaintiff and Defendant;
- 2.3. Names and addresses of witnesses, if any;
- 2.4. Summary of the content of the counterclaim;
- 2.5. Grounds and evidence for the counterclaim;
- 2.6. Value of the counterclaim and other specific requests of the Defendant;
- 2.7. Signature of the Legal Representative or Authorized Representative in case the Defendant is an organization; signature of the individual Defendant or Authorized Representative in case the Defendant is an individual.

3. The counterclaim and accompanying documents must be made in sufficient copies as prescribed in Clause 1, Article 11 of these Rules.

4. Unless the parties have agreed otherwise on the term, within 07 days from the date BBIAC receives the Counterclaim, the accompanying documents, and the arbitration fees as prescribed in Clause 2, Article 37 of these Rules, BBIAC shall send to the Plaintiff the Notice, the Counterclaim and related documents.

5. Unless the parties have agreed otherwise on the term, within 30 days from the date of receipt of the Notice, Counterclaim and accompanying documents sent by BBIAC, the Plaintiff must send to BBIAC a Statement of Self-Defence against the Counterclaim. The Statement of Self-Defence must be sent in the number of copies prescribed in Clause 1, Article 11 of these Rules.

6. At the request of the Plaintiff, the term for submitting the Plaintiff's Statement of Self-Defence to the Counterclaim may be extended by BBIAC on a case-by-case basis but not more than 30 days from the end of the term specified in Clause 5 of this Article. The request for extension must be made in writing and submitted to BBIAC within the term specified in Clause 5 of this Article.

7. The Counterclaim shall be resolved by the same Arbitral Tribunal that resolved the Plaintiff's Petition and shall be resolved concurrently with the Plaintiff's Petition.

Điều 18. Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên

1. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, Nguyên đơn phải chọn hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp vụ tranh chấp có nhiều Nguyên đơn thì các Nguyên đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên và phải thông báo cho BBIAC, hoặc thống nhất yêu cầu BBIAC chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp người được chọn làm Trọng tài viên không có tên trong Danh sách Trọng tài viên, Nguyên đơn phải thông báo cho BBIAC thông tin liên lạc của Trọng tài viên này.

Trường hợp Nguyên đơn yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu này, Chủ tịch BBIAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên cho Nguyên đơn.

2. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Đơn Khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu kèm theo do BBIAC gửi, Bị đơn phải thông báo cho BBIAC tên của Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp vụ tranh chấp có nhiều

Bị đơn, các Bị đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu BBIAC chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp người được chọn làm Trọng tài viên không có tên trong Danh sách Trọng tài viên, Bị đơn phải thông báo cho BBIAC thông tin liên lạc của Trọng tài viên nào mà Bị đơn chọn.

Trường hợp Bị đơn không chọn Trọng tài viên và không yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản này, Chủ tịch BBIAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên cho Bị đơn.

Trường hợp Bị đơn yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu này, Chủ tịch BBIAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên cho Bị đơn.

3. Chủ tịch Hội đồng Trọng tài

3.1. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Trọng tài viên của Bị đơn nhận được thông báo được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, các Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định phải bầu Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài và thông báo cho BBIAC.

3.2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều này mà BBIAC không nhận được thông báo bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài hoặc thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài không thực hiện được, Chủ tịch BBIAC chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

4. Trường hợp chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và Điều 19 của Quy tắc này, Chủ tịch BBIAC cân nhắc các tiêu chuẩn cần thiết của Trọng tài viên theo thỏa thuận của các bên nếu có và theo Quy tắc này, đồng thời cân nhắc lựa chọn Trọng tài viên có đủ thời gian để giải quyết vụ tranh chấp hiệu quả.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Hội đồng Trọng tài được thành lập theo quy định của Điều này và Điều 19 của Quy tắc này, BBIAC phải thông báo bằng văn bản cho các bên về việc thành lập Hội đồng Trọng tài.

Article 18. Establishment of an Arbitration Council consisting of three Arbitrators

1. Unless otherwise agreed by the parties, the Plaintiff shall select or request the BBIAC to appoint an Arbitrator. In the event of a dispute involving multiple Plaintiffs, the Plaintiffs shall agree on the selection of an Arbitrator and shall notify the BBIAC or agree to request the BBIAC to appoint an Arbitrator. In the event that the person selected as Arbitrator is not on the list of Arbitrators, the Plaintiff shall notify the BBIAC of the contact details of such Arbitrator.

In case the Plaintiff requests the BBIAC to appoint an Arbitrator, within 07 days from the date of receipt of this request, the President of the BBIAC shall issue a decision to appoint an Arbitrator for the Plaintiff.

2. Unless otherwise agreed by the parties, within 30 days of receipt of the Plaintiff's Request for Arbitration and the accompanying documents sent by BBIAC, the Defendant shall notify BBIAC of the name of the Arbitrator selected by the Defendant request BBIAC to appoint an Arbitrator. In the event that the dispute involves multiple Defendants, the Defendants shall agree on the selection of an Arbitrator or request BBIAC to appoint an Arbitrator. In the event that the person selected as Arbitrator is not on the List of Arbitrators, the Defendant shall notify BBIAC of the contact information of such Arbitrator.

In case the Defendant does not select an Arbitrator and does not request the BBIAC to appoint an Arbitrator, within 07 days from the date of expiry of the period specified in this clause, the President of the BBIAC shall issue a decision to appoint an Arbitrator for the Defendant.

In case the Defendant requests the BBIAC to appoint an Arbitrator, within 07 days from the date of receipt of this request, the President of the BBIAC shall issue a decision to appoint an Arbitrator for the Defendant.

3. President of the Arbitration Council

3.1. Unless otherwise agreed by the parties, within 07 days from the date the Defendant's Arbitrator receives the notice of selection or appointment as Arbitrator, the selected or appointed Arbitrators shall elect the third Arbitrator as President of the Arbitral Tribunal and notify the BBIAC.

3.2. Within 05 days from the end of the term specified in Point 3.1, Clause 3 of this Article, if BBIAC does not receive the notice of election of the President of the Arbitration Council or the notice of election of the President of the Arbitration Council cannot be implemented, the President of BBIAC shall appoint the President of the Arbitration Council.

4. In the case of appointing an Arbitrator pursuant to Clauses 1, 2 and 3 of this Article and Article 19 of these Rules, the President of the BBIAC shall consider the necessary qualifications of the Arbitrator as agreed by the parties, if any, and in accordance with these Rules, and shall consider selecting an Arbitrator who has sufficient time to resolve the dispute effectively.

5. Within 05 days from the date the Arbitration Council is established in accordance with the provisions of this Article and Article 19 of these Rules, BBIAC must notify the parties in writing of the establishment of the Arbitration Council.

Điều 19. Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất

1. Trường hợp các bên thỏa thuận vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất giải quyết, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bị đơn nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện và các tài liệu khác có liên quan, các bên phải thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất và phải thông báo cho BBIAC trong thời hạn này. Trong trường hợp người được các bên chọn làm Trọng tài viên duy nhất không có tên trong Danh sách Trọng tài viên, các bên phải thông báo cho BBIAC thông tin liên lạc của Trọng tài viên này.

2. Trường hợp các bên yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu này, Chủ tịch BBIAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên duy nhất cho các bên.

3. Trường hợp BBIAC không nhận được thông báo của các bên về việc chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc yêu cầu BBIAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch BBIAC ra quyết định chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn này.

Article 19. Establishment of an Arbitration Council consisting of a sole Arbitrator

1. Where the parties agree that the dispute shall be resolved by a Sole Arbitrator, within 30 days from the date the Defendant receives the Notice, the Petition and other relevant documents, the parties shall agree on the selection of the Sole Arbitrator or request the BBIAC to appoint the Sole Arbitrator and shall notify the BBIAC within this period. In the event that the person selected by the parties as the Sole Arbitrator is not on the List of Arbitrators, the parties shall notify the BBIAC of the contact information of such Arbitrator.
2. In case the parties request BBIAC to appoint a Sole Arbitrator, within 07 days from the date of receipt of this request, the President of BBIAC shall issue a decision to appoint a Sole Arbitrator for the parties.
3. In case BBIAC does not receive notification from the parties regarding the selection of the Sole Arbitrator or request BBIAC to appoint the Sole Arbitrator within the term specified in Clause 1 of this Article, the President of BBIAC shall issue a decision to appoint the Sole Arbitrator within 07 days from the end of this term.

Điều 20. Rút Đơn khởi kiện, đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại, bản tự bảo vệ

1. Trước khi Hội đồng Trọng tài ban hành Phán quyết trọng tài, các bên có quyền rút Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, Đơn kiện lại, Đơn kiện lại bổ sung.
2. Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có thể sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại và Bản tự bảo vệ trước thời điểm kết thúc Phiên họp giải quyết tranh chấp. Hội đồng Trọng tài có quyền không chấp nhận các sửa đổi, bổ sung này nếu xét thấy việc đó bị lạm dụng nhằm gây khó khăn, trì hoãn việc ra Phán quyết trọng tài hoặc vượt quá phạm vi của thỏa thuận trọng tài.

Article 20. Withdrawal of Petition, Counterclaim; amendment, supplement of Petition, Counterclaim, Statement of Self-Defence

1. Before the Arbitral Tribunal issues the Arbitral Award, the parties have the right to withdraw the Petition, Supplementary Petition, Counterclaim, or Supplementary Counterclaim.
2. During the arbitration proceedings, the parties may amend or supplement the Petition, Counterclaim and Statement of Self-Defence before the end of the Dispute resolution Session. The Arbitral Tribunal has the right to reject such amendments or supplements if it considers that they are abusive in order to cause difficulties or delay the issuance of the Arbitral Award or exceed the scope of the arbitration agreement.

Điều 21. Quy định chung đối với Trọng tài viên

1. Khi nhận được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên và trong quá trình tố tụng trọng tài, người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên phải thông báo kịp thời cho BBIAC về bất kỳ sự việc nào có thể gây nghi ngờ về sự vô tư, độc lập và khách quan của mình để BBIAC thông báo cho các bên.
2. Trọng tài viên không được hành động như là luật sư của bất kỳ bên nào.
3. Người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên không được làm Trọng tài viên trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;
 - 3.2. Có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;

3.3. Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất kỳ bên nào trong chính vụ tranh chấp đang được đưa ra giải quyết tại BBIAC, trừ khi các bên chấp thuận bằng văn bản;

3.4. Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, độc lập hoặc không khách quan;

3.5. Không đáp ứng tiêu chuẩn cụ thể mà các bên đã thỏa thuận;

3.6. Không đáp ứng tiêu chuẩn theo pháp luật trọng tài được áp dụng.

4. Trong quá trình tố tụng trọng tài, Trọng tài viên không được gặp hoặc liên lạc riêng với bất kỳ bên nào; không bên nào được gặp hoặc liên lạc riêng với Trọng tài viên để trao đổi các vấn đề liên quan đến vụ tranh chấp.

5. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về tiêu chuẩn cụ thể của Trọng tài viên thì Trọng tài viên được xem là đáp ứng tiêu chuẩn đó, trừ khi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định, một bên có yêu cầu thay đổi Trọng tài viên với lý do Trọng tài viên đó không đủ tiêu chuẩn mà các bên đã thỏa thuận. Việc thay đổi Trọng tài viên trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Quy tắc này.

6. Khi nhận được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, Trọng tài viên phải từ chối nhận giải quyết vụ tranh chấp nếu tự xét thấy không đủ năng lực chuyên môn, thời gian, sức khỏe đảm bảo việc giải quyết tranh chấp đạt hiệu quả cao nhất.

Article 21. General provisions for Arbitrators

1. Upon receipt of notice of selection or appointment as an Arbitrator and during the arbitration proceedings, the selected or appointed Arbitrator shall promptly notify the BBIAC of any facts that may cast doubt on his/her impartiality, independence, and objectivity so that the BBIAC may notify the parties.
2. The arbitrator shall not act as an attorney for any party.
3. A person selected or appointed as an Arbitrator shall not be an Arbitrator in the following cases:
 - 3.1 Be a relative or representative of one party.
 - 3.2 Has a relevant interest in the dispute.
 - 3.3 Has been a conciliator, representative, or attorney for any party in the dispute being resolved at BBIAC, unless the parties agree in writing.
 - 3.4 There are clear grounds to believe that the Arbitrator is not impartial, independent, or objective.
 - 3.5 Failure to meet specific standards agreed upon by the parties.
 - 3.6 Failure to meet the standards under applicable arbitration law.
4. During the arbitration proceedings, the Arbitrator shall not meet or contact any party privately; no party shall meet or contact the Arbitrator privately to discuss matters relating to the dispute.

5. In case the parties have agreed on specific qualifications for an Arbitrator, the Arbitrator shall be deemed to meet such qualifications, unless within 15 days from the date of receipt of the notice of the selected or appointed Arbitrator, a party requests a change of Arbitrator on the grounds that the Arbitrator does not meet the qualifications agreed upon by the parties. The change of Arbitrator in this case shall be carried out in accordance with the provisions of Article 22 of these Rules.

6. Upon receiving notice of being selected or appointed as an Arbitrator, the Arbitrator must refuse to accept the dispute resolution if he/she considers that he/she does not have sufficient professional capacity, time, or health to ensure the most effective dispute resolution.

Điều 22. Thay đổi Trọng tài viên

1. Trọng tài viên phải từ chối giải quyết tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên nếu Trọng tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 của Quy tắc này.

2. Thông báo từ chối giải quyết vụ tranh chấp của Trọng tài viên, Đơn yêu cầu thay đổi Trọng tài viên của một bên hoặc các bên phải được gửi tới BBIAC bằng văn bản.

3. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch BBIAC quyết định.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài đã được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài quyết định. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài không quyết định được hoặc nếu các Trọng tài viên hay Trọng tài viên duy nhất từ chối giải quyết tranh chấp, Chủ tịch BBIAC quyết định về việc thay đổi Trọng tài viên.

4. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch BBIAC quyết định thay đổi Trọng tài viên, Trọng tài viên thay thế được chọn hoặc được chỉ định theo các quy định tại Điều 18 hoặc Điều 19 của Quy tắc này. Các bên không được chọn lại Trọng tài viên đã bị thay đổi, Chủ tịch BBIAC không được chỉ định lại Trọng tài viên đã bị thay đổi.

Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch BBIAC quyết định không thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên này phải tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

5. Quyết định của Chủ tịch BBIAC hoặc quyết định của các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài về việc thay đổi Trọng tài viên có thể không nêu căn cứ ra quyết định. Quyết định này là cuối cùng.

6. BBIAC hoặc Hội đồng Trọng tài có thể ấn định các chi phí phát sinh từ việc thay đổi Trọng tài viên và quyết định một bên hoặc các bên phải chịu chi phí đó.

7. Trong trường hợp Trọng tài viên vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể tiếp tục tham gia giải quyết tranh chấp hoặc bị thay đổi thì việc chọn, chỉ định Trọng tài viên thay thế được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 18 hoặc Điều 19 của Quy tắc này.

8. Hội đồng Trọng tài được thành lập sau khi thay đổi Trọng tài viên có thể xem xét lại những vấn đề đã được đưa ra tại các phiên họp giải quyết tranh chấp của Hội đồng Trọng tài trước đó, có tham khảo ý kiến của các bên.

Article 22. Change of Arbitrator

1. The Arbitrator must refuse to resolve the dispute; the parties have the right to request a change of Arbitrator if the Arbitrator falls into one of the cases specified in Clause 3, Article 21 of these Rules.

2. Notice of refusal to resolve the dispute by an Arbitrator and requests for a change of Arbitrator by a party or parties must be sent to BBIAC in writing.

3. In case the Arbitral Tribunal has not been established, the change of Arbitrator shall be decided by the President of BBIAC.

In the event that the Arbitral Tribunal has been constituted, the change of Arbitrator shall be decided by the remaining members of the Arbitral Tribunal. In the event that the remaining members of the Arbitral Tribunal fail to decide or if the Arbitrators or the Sole Arbitrator refuse to resolve the dispute, the President of the BBIAC shall decide on the change of Arbitrator.

4. In the event that the remaining members of the Arbitral Tribunal or the President of the BBIAC decide to replace an Arbitrator, a replacement Arbitrator shall be selected or appointed in accordance with the provisions of Article 18 or Article 19 of these Rules. The parties shall not re-select the replaced Arbitrator, and the President of the BBIAC shall not re-appoint the replaced Arbitrator.

In case the remaining members of the Arbitral Tribunal or the President of BBIAC decide not to change the Arbitrator, this Arbitrator must continue to resolve the dispute.

5. The decision of the President of the BBIAC or the decision of the remaining members of the Arbitral Tribunal to change an Arbitrator may not state the basis for the decision. This decision is final.

6. The BBIAC, or the Arbitral Tribunal, may fix the costs arising from the change of Arbitrator and decide which party or parties shall bear such costs.
7. In case the Arbitrator, due to force majeure or objective obstacles, cannot continue to participate in dispute resolution or is replaced, the selection and appointment of a replacement Arbitrator shall be carried out in accordance with the procedures prescribed in Article 18 or Article 19 of these Rules.
8. The Arbitral Tribunal established after the change of Arbitrator may review issues raised at previous Arbitral Tribunal hearings in consultation with the parties.

Điều 23. Xem xét thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài

1. Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền quyết định về thẩm quyền của chính Hội đồng Trọng tài, ngay cả trong trường hợp có phản đối về sự tồn tại hoặc hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.
2. Trước khi xem xét nội dung của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài phải xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, cho dù có hoặc không có khiếu nại của một bên về các vấn đề này. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, Hội đồng Trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

3. Hội đồng Trọng tài có thể ban hành riêng Quyết định về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài hoặc quyết định vấn đề thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong Phán quyết trọng tài.
4. Quyết định của Hội đồng Trọng tài về hợp đồng vô hiệu không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.
5. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện Hội đồng Trọng tài vượt quá thẩm quyền, các bên có quyền khiếu nại với Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài phải xem xét, quyết định.

Article 23. Consideration of the jurisdiction of the Arbitration Council

1. The Arbitral Tribunal shall have the power to decide on its own jurisdiction, even in the event of any objection to the existence or validity of the arbitration agreement.
2. Before considering the merits of the dispute, the Arbitral Tribunal shall consider the existence of the arbitration agreement, the validity of the arbitration agreement, whether the arbitration agreement is enforceable, and the scope of the Arbitral Tribunal's jurisdiction, regardless of whether or not a party has challenged these issues. In the event that the Arbitral Tribunal finds that the arbitration agreement exists, the arbitration agreement is valid, and the arbitration agreement is enforceable, the Arbitral Tribunal shall proceed with the dispute.

In case the Arbitration Council finds that the arbitration agreement does not exist or the arbitration agreement is invalid or the arbitration agreement cannot be performed, the Arbitration Council shall issue a decision to suspend the resolution of the dispute.

3. The Arbitral Tribunal may issue a separate decision on the jurisdiction of the Arbitral Tribunal or decide the issue of the jurisdiction of the Arbitral Tribunal in the Arbitral Award.
4. The decision of the Arbitral Tribunal that the contract is void does not invalidate the arbitration agreement.
5. During the dispute resolution process, if it is discovered that the Arbitration Council has exceeded its authority, the parties have the right to appeal to the Arbitration Council. The Arbitration Council must consider and decide.

Điều 24. Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng Trọng tài

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu xét thấy cần thiết, Hội đồng Trọng tài có quyền gặp hoặc trao đổi với một bên với sự có mặt của bên kia bằng hình thức thích hợp, để làm sáng tỏ tài liệu có liên quan. Hội đồng Trọng tài có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên tìm hiểu sự việc từ người thứ ba, với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên biết.

Article 24. Authority of the Arbitration Council to verify facts

During the course of dispute resolution, if deemed necessary, the Arbitral Tribunal shall have the right to meet or discuss with one party in the presence of the other party in an appropriate manner in order to clarify relevant documents. The Arbitral Tribunal may, on its own initiative or at the request of one or more parties, inquire into the matter from a third party, in the presence of the parties or after having notified the parties.

Điều 25. Cung cấp chứng cứ và thu thập chứng cứ

1. Các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Hội đồng Trọng tài để chứng minh các sự việc có liên quan đến nội dung tranh chấp. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ.
2. Theo yêu cầu của một hoặc các bên, Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.
3. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, có quyền trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp để làm căn cứ cho việc giải quyết tranh chấp. Chi phí giám định, định giá do bên yêu cầu giám định, định giá nộp hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ.
4. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, có quyền tham vấn ý kiến của chuyên gia.

Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp cho chuyên gia các thông tin có liên quan, hoặc cho phép chuyên gia tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản có liên quan.

Chuyên gia phải nộp báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Trọng tài. Sau khi nhận được báo cáo, Hội đồng Trọng tài gửi bản sao của báo cáo đó cho các bên và yêu cầu các bên cho ý kiến bằng văn bản về báo cáo này.

Chi phí chuyên gia do bên yêu cầu tham vấn chịu hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ, và phải được nộp trong thời hạn do Hội đồng trọng tài ấn định. Trong mọi trường hợp, nếu chi phí tham vấn chuyên gia không được nộp đủ, Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

5. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài, một hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ nhưng vẫn không thể thu thập được thì có thể gửi văn bản đề nghị tòa án có thẩm quyền hỗ trợ theo quy định của pháp luật liên quan.

Article 25. Providing and collecting evidence

1. The parties are obliged to provide evidence to the Arbitration Council to prove the facts related to the content of the dispute. The Arbitration Council has the right to request the parties to provide evidence.

2. At the request of one or more parties, the Arbitration Council has the right to request witnesses to provide information and documents relevant to the dispute resolution.

3. The Arbitration Council, on its own initiative or at the request of one or more parties, has the right to request an appraisal or valuation of the properties in dispute as a basis for dispute resolution. The appraisal or valuation costs shall be paid by the party requesting the appraisal or valuation or allocated by the Arbitration Council.

4. The Arbitral Tribunal may, on its own initiative or at the request of one or more parties, seek expert advice.

The Arbitral Tribunal shall have the power to request the parties to provide the expert with relevant information or to allow the expert access to relevant documents, goods, or properties.

The expert shall submit a written report to the Arbitral Tribunal. Upon receipt of the report, the Arbitral Tribunal shall send copies of the report to the parties and request them to provide written comments on the report.

The expert's costs shall be borne by the party requesting the consultation or allocated by the Arbitral Tribunal and shall be paid within the term set by the Arbitral Tribunal. In any event, if the expert's costs are not paid in full, the Arbitral Tribunal shall decide the dispute on the basis of the records available.

5. In case the Arbitration Council or one or more parties have applied necessary measures to collect evidence but still cannot collect it, they may send a written request to the competent court for assistance in accordance with the provisions of relevant laws.

Điều 26. Thẩm quyền triệu tập người làm chứng của Hội đồng Trọng tài

1. Theo yêu cầu của một hoặc các bên và xét thấy cần thiết, Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng có mặt tại phiên họp giải quyết tranh chấp. Chi phí cho người làm chứng do bên yêu cầu triệu tập người làm chứng chịu hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ.

2. Trường hợp người làm chứng đã được Hội đồng Trọng tài triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên họp mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt này gây cản trở cho việc giải quyết tranh chấp, thì Hội đồng Trọng tài có thể gửi văn bản đề nghị tòa án có thẩm quyền ra quyết định triệu tập người làm chứng đến phiên họp giải quyết tranh chấp.

3. Trong trường hợp người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt, Hội đồng Trọng tài quyết định hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp hoặc vẫn tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Article 26. Authority of the Arbitration Council to summon witnesses

1. At the request of one or more parties and when deemed necessary, the Arbitration Council has the right to request witnesses to be present at the dispute resolution session. The costs of witnesses shall be borne by the party requesting the summoning of witnesses or allocated by the Arbitration Council.
2. In case a witness has been duly summoned by the Arbitration Council but fails to attend the session without a valid reason and this absence hinders the dispute resolution, the Arbitration Council may send a written request to the competent court to issue a decision to summon the witness to the dispute resolution session.
3. In case a witness has been duly summoned but is absent, the Arbitration Council shall decide to postpone the dispute resolution session or continue the dispute resolution session on the basis of the existing records.

Điều 27. Biện pháp khẩn cấp tạm thời

1. Trong quá trình tố tụng trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật liên quan.
2. Hội đồng Trọng tài có thể ban hành quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây đối với các bên tranh chấp:

2.1. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;

2.2. Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài;

2.3. Kê biên tài sản đang tranh chấp;

2.4. Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp;

2.5. Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên;

2.6. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

3. Trường hợp một bên đã yêu cầu tòa án áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại khoản 2 Điều này mà sau đó lại có đơn yêu cầu Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng Trọng tài phải từ chối. Bên yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải thông báo ngay cho Hội đồng Trọng tài biết về việc yêu cầu này.

4. Việc yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là sự từ bỏ thỏa thuận trọng tài hoặc khước từ tố tụng trọng tài.

5. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nêu rõ biện pháp khẩn cấp tạm thời yêu cầu được áp dụng, các yêu cầu cụ thể, đồng thời trình bày căn cứ cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

6. Theo quyết định của Hội đồng Trọng tài, bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm tài chính tương ứng với giá trị thiệt hại có thể phát sinh do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây ra. Việc bảo đảm tài chính có thể được thực hiện bằng cách gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá vào tài khoản phong tỏa tại ngân

hàng do Hội đồng Trọng tài quyết định. Hội đồng Trọng tài phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sau khi bên yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài.

7. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình. Trong trường hợp bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng và gây thiệt hại cho bên kia hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường.

8. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của một bên, Hội đồng Trọng tài phải thông báo bằng văn bản cho bên yêu cầu biết.

9. Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có quyền xem xét ra quyết định thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình tổ tụng trọng tài. Hội đồng Trọng tài hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

9.1. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị hủy bỏ;

9.2. Bên phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã nộp tài sản hoặc có người khác thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành nghĩa vụ đối với bên có yêu cầu;

9.3. Nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ được chấm dứt theo quy định của pháp luật có liên quan.

10. Trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung, hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Article 27. Temporary emergency measures

1. During the arbitration proceedings, a party may request the Arbitration Council or a competent court to apply temporary emergency measures in accordance with the provisions of relevant laws.

2. The Arbitral Tribunal may issue a decision to apply one or more of the following temporary emergency measures to the disputing parties:

2.1. Prohibition of changing the status of disputed property;

2.2. Prohibit or compel any disputing party to perform one or more certain acts to prevent acts that adversely affect the arbitration proceedings;

2.3. Seize disputed properties;

2.4. Require the preservation, storage, sale or disposal of any property of one or more disputing parties;

2.5. Temporary request for payment between the parties;

2.6. Prohibit the transfer of property rights to disputed property.

3. In case a party has requested the court to apply one or more of the temporary emergency measures specified in Clause 2 of this Article and then requests the Arbitration Council to apply temporary emergency measures, the Arbitration Council must refuse. The party requesting the court to apply temporary emergency measures must immediately notify the Arbitration Council of this request.

4. A request for a court to order temporary measures shall not be deemed a waiver of the arbitration agreement or a waiver of the arbitration proceedings.
5. The application for the application of temporary emergency measures must clearly state the requested temporary emergency measures, the specific requirements, and present the basis for the necessity of applying temporary emergency measures.
6. According to the decision of the Arbitral Tribunal, the party requesting the application of temporary emergency measures must perform the financial security obligation corresponding to the value of the damage that may arise due to the incorrect application of temporary emergency measures. The financial security may be implemented by depositing a sum of money, precious metals, precious stones, or valuable papers in a blocked account at a bank decided by the Arbitral Tribunal. The Arbitral Tribunal must issue a decision on the application of temporary emergency measures after the requesting party has performed the security obligation as required by the Arbitral Tribunal.
7. The party requesting the application of temporary emergency measures shall be responsible for its request. In case the party requesting the application of temporary emergency measures is incorrect and causes damage to the other party or a third party, it shall be liable for compensation.
8. In case of not accepting a party's request for application of temporary emergency measures, the Arbitration Council must notify the requesting party in writing.
9. At the request of a party, the Arbitral Tribunal has the right to consider and decide to change, supplement, or cancel the provisional emergency measures at any time during the arbitration proceedings. The Arbitral Tribunal cancels the

provisional emergency measures that have been applied in the following cases:

9.1. The party requesting the application of temporary emergency measures requests its cancellation;

9.2. The party required to enforce the decision to apply temporary emergency measures has submitted properties, or another person has taken measures to secure the performance of obligations towards the requesting party;

9.3. The obligations of the obligated party shall be terminated in accordance with the provisions of relevant laws.

10. The order and procedures for applying, changing, supplementing, and canceling the application of temporary emergency measures shall be implemented in accordance with relevant legal provisions.

Điều 28. Thương lượng, Hoà giải

1. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài đã thành lập, nếu các bên tự thương lượng và thỏa thuận chấm dứt việc giải quyết tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu Hội đồng Trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.

2. Khi có yêu cầu hòa giải của các bên, Hội đồng Trọng tài tiến hành hòa giải. Trong trường hợp hòa giải thành, biên bản hòa giải thành phải được lập và có chữ ký của các bên và chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có giá trị chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Article 28. Negotiation and Conciliation

1. In case the Arbitration Council has been established, if the parties negotiate and agree to terminate the dispute resolution, the parties have the right to request the Arbitration Council to issue a decision to suspend the dispute resolution.
2. Upon request for conciliation by the parties, the Arbitration Council shall conduct conciliation. In case of successful conciliation, a record of successful conciliation shall be drawn up and signed by the parties and the arbitrators or the sole arbitrator. In this case, the Arbitration Council shall issue a decision recognizing the agreement of the parties. The decision recognizing the agreement of the parties shall be final, binding on the parties, and effective from the date of issuance.

Điều 29. Đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp

1. Vụ tranh chấp được đình chỉ giải quyết trong các trường hợp sau đây:
 - 1.1. Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế;
 - 1.2. Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cơ quan, tổ chức chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức mà quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức này không được tiếp nhận và kế thừa;
 - 1.3. Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện hoặc được xem là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Quy tắc này, trừ trường hợp Bị đơn có đơn kiện lại;
 - 1.4. Các bên thỏa thuận chấm dứt việc giải quyết vụ tranh chấp;

1.5. Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy tắc này.

2. Trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, Chủ tịch BBIAC ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trường hợp Hội đồng Trọng tài đã được thành lập, Hội đồng Trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.

Article 29. Suspension of dispute resolution

1. Dispute resolution is suspended in the following cases:

1.1. The Plaintiff or Defendant is a deceased individual whose rights and obligations are not inherited;

1.2. The Plaintiff or Defendant is an agency or organization that ceases operations, goes bankrupt, is dissolved, consolidated, merged, divided, or separated, or changes its organizational form, and the rights and obligations of this agency or organization are not received and inherited;

1.3. The Plaintiff withdraws the Petition or is deemed to have withdrawn the Petition as provided in Clause 1, Article 32 of these rules, unless the Defendant files a counterclaim;

1.4. The parties agreed to terminate the dispute resolution;

1.5. When there is a decision to suspend the resolution of the dispute by the Arbitration Council as prescribed in Clause 2, Article 23 of these Rules.

2. In case the Arbitration Council has not been constituted, the President of BBIAC shall decide to suspend the dispute resolution. In case the Arbitration Council has been constituted, the Arbitration Council shall decide to suspend the dispute resolution.

Điều 30. Phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Thời gian và địa điểm mở phiên họp giải quyết tranh chấp do Hội đồng Trọng tài quyết định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp lần thứ nhất phải được gửi cho các bên chậm nhất mười lăm ngày trước ngày mở phiên họp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Trường hợp hoãn phiên họp, Hội đồng Trọng tài quyết định ngày mở phiên họp tiếp theo, thời hạn gửi giấy triệu tập do Hội đồng Trọng tài quyết định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, Phiên họp giải quyết tranh chấp được tiến hành không công khai. Hội đồng Trọng tài có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp nếu xét thấy một bên vi phạm quy định này.

Các bên có quyền mời người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp, đồng thời phải thông báo cho Hội đồng Trọng tài về danh sách và tư cách tổ tụng của người tham dự trước ngày mở phiên họp giải quyết tranh chấp.

Trong trường hợp xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu hợp lý của một bên hoặc các bên, Hội đồng Trọng tài có quyền mời chuyên gia giám định, chuyên gia định giá tài sản hoặc chuyên gia khác theo quy định tại Điều 25 của Quy tắc này tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp.

4. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp bằng hình thức trực tuyến thích hợp nếu các bên lựa chọn hình thức này.

5. Tại phiên họp giải quyết tranh chấp, nếu xét thấy các bên không còn tài liệu, chứng cứ liên quan để cung cấp hoặc không

còn nội dung nào của vụ tranh chấp cần làm rõ, Hội đồng Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết tranh chấp là phiên họp cuối cùng. Hội đồng Trọng tài không có nghĩa vụ xem xét bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ bổ sung nào sau khi kết thúc phiên họp cuối cùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Article 30. Dispute resolution session

1. The time and place of the dispute resolution session shall be decided by the Arbitration Council, unless otherwise agreed by the parties.

2. The summons to attend the first dispute resolution session must be sent to the parties at least fifteen days before the opening date of the session, unless the parties agree otherwise.

In case of adjournment of the session, the Arbitration Council shall decide the date of the next session, and the term for sending the summons shall be decided by the Arbitration Council, unless otherwise agreed by the parties.

3. Unless otherwise agreed by the parties, the dispute resolution session shall be conducted in private. The Arbitral Tribunal shall have the power to take appropriate measures if it considers that a party has breached this provision.

The parties have the right to invite witnesses and persons protecting their legitimate rights and interests to attend the dispute resolution session and must notify the Arbitration Council of the list and procedural status of the participants before the opening date of the dispute resolution session.

In case it deems it necessary or at the reasonable request of one party or parties, the Arbitration Council has the right to invite expert experts, property valuation experts, or other experts as prescribed in Article 25 of these Rules to attend the dispute

resolution session.

4. The Arbitral Tribunal may conduct the dispute resolution hearing by appropriate online means if the parties so choose.

5. At the dispute resolution session, if the parties find that there are no more relevant documents or evidence to provide or that there are no more issues of the dispute that need to be clarified, the Arbitral Tribunal shall declare the dispute resolution session as the final session. The Arbitral Tribunal shall not be obliged to consider any supplementary documents or evidence after the conclusion of the final session, unless the parties otherwise agree.

Điều 31. Hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Trong trường hợp có lý do chính đáng, một bên hoặc các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp. Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp phải bằng văn bản, nêu rõ lý do, kèm theo chứng cứ và được gửi đến BBIAC chậm nhất 07 ngày trước ngày mở phiên họp giải quyết tranh chấp. Bên yêu cầu hoãn phải chịu mọi chi phí phát sinh, nếu có.

Hội đồng Trọng tài xem xét, quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hoãn và thông báo cho các bên.

2. Trong trường hợp có trở ngại khách quan hoặc có phát sinh tình tiết mới mà Hội đồng Trọng tài nhận thấy cần làm rõ, Hội đồng Trọng tài có thể hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp và kịp thời thông báo cho các bên.

3. Thời hạn hoãn phiên họp do Hội đồng Trọng tài quyết định.

Article 31. Postponement of dispute resolution session

1. In case of legitimate reasons, one or more parties may request the Arbitration Council to postpone the dispute resolution session. The request to postpone the dispute resolution session must be in writing, stating the reasons, accompanied by evidence, and sent to BBIAC at least 07 days before the date of the dispute resolution session. The party requesting the postponement shall bear all costs incurred, if any.

The Arbitration Council shall consider and decide whether to accept or not to accept the request for postponement and notify the parties.

2. In case of objective obstacles or new circumstances arising that the Arbitration Council finds need to be clarified, the Arbitration Council may postpone the dispute resolution session and promptly notify the parties.

3. The adjournment period shall be decided by the Arbitration Council.

Điều 32. Việc vắng mặt của các bên

1. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp nhưng không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được xem là đã rút Đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết tranh chấp nếu Bị đơn có yêu cầu hoặc có Đơn kiện lại.

2. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp nhưng không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì Hội đồng Trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết tranh chấp căn cứ vào

tài liệu và chứng cứ hiện có trong hồ sơ.

3. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, nếu Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp nhưng không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được xem là đã rút Đơn kiện lại. Trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết Đơn kiện lại khi Nguyên đơn có yêu cầu.

4. Trong trường hợp các bên có yêu cầu, Hội đồng Trọng tài có thể căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên.

5. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp khi có yêu cầu vắng mặt của một bên.

Article 32. Absence of the parties

1. If the Plaintiff has been duly summoned to attend the dispute resolution session but is absent without a valid reason or leaves the session without the approval of the Arbitration Council, it shall be deemed to have withdrawn the Petition. In this case, the Arbitration Council shall only continue to resolve the dispute if the Defendant requests or files a Counterclaim.

2. If the Defendant has been duly summoned to attend the dispute resolution session but is absent without a valid reason or leaves the session without the approval of the Arbitration Council, the Arbitration Council shall continue to resolve the dispute based on the documents and evidence available in the file.

3. In the event of a Counterclaim, if the Defendant has been duly summoned to attend the dispute resolution session but is absent without a valid reason or leaves the session without the approval of the Arbitral Tribunal, it shall be deemed to have withdrawn the

Counterclaim. In this case, the Arbitral Tribunal shall only continue to resolve the Counterclaim upon the Plaintiff's request.

4. In case the parties request it, the Arbitration Council may, based on available documents and evidence, conduct a dispute resolution session without the presence of the parties.

5. The Arbitration Council may conduct a dispute resolution session upon request of one party in its absence.

Điều 33. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng trọng tài

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên, Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài được lập bằng cách biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số, Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

Article 33. Principles of making the Arbitral Award and Decisions of the Arbitral Council

In the case where the Arbitral Tribunal consists of three Arbitrators, the Arbitral Award and the decisions of the Arbitral Tribunal shall be made by majority vote. If a majority is not obtained, the Arbitral Award and the Decisions of the Arbitral Tribunal shall be decided by the President of the Arbitral Tribunal.

Điều 34. Phán quyết Trọng tài

1. Phán quyết trọng tài phải được lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1. Ngày, tháng, năm và địa điểm ban hành Phán quyết trọng tài;
- 1.2. Tên, địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn;
- 1.3. Tên các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất;
- 1.4. Tóm tắt tiến trình tố tụng trọng tài;
- 1.5. Tóm tắt Đơn khởi kiện và các vấn đề tranh chấp; tóm tắt Bản tự bảo vệ; tóm tắt Đơn kiện lại và các vấn đề tranh chấp;
- 1.6. Nhận định của Hội đồng Trọng tài về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp;
- 1.7. Nhận định của Hội đồng Trọng tài về nội dung vụ tranh chấp;
- 1.8. Căn cứ ban hành Phán quyết;
- 1.9. Kết quả giải quyết tranh chấp;
- 1.10. Thời hạn thi hành Phán quyết;
- 1.11. Phân bổ chi phí trọng tài và các chi phí khác có liên quan;
- 1.12. Chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.

2. Phán quyết trọng tài được ban hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng.
3. Khi có Trọng tài viên không ký vào Phán quyết trọng tài, việc này phải được ghi nhận trong Phán quyết trọng tài. Trong trường hợp này, Phán quyết trọng tài vẫn có hiệu lực.
4. Phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.
5. Phán quyết trọng tài được gửi cho mỗi bên Nguyên đơn và Bị đơn 01 bản chính ngay sau khi ban hành. Các bên có quyền yêu cầu BBIAC cấp bản sao Phán quyết trọng tài và phải trả phí theo quy định của BBIAC.

Article 34. Arbitral Award

1. The Arbitration Award must be in writing and contain the following main contents:
 - 1.1. Date, month, year and place of issuance of the Arbitral Award;
 - 1.2. Name and address of Plaintiff and Defendant;
 - 1.3. Names of the Arbitrators or Sole Arbitrator;
 - 1.4. Summary of arbitration proceedings;
 - 1.5. Summary of the Petition and Disputed Issues; Summary of the Statement of Defense; Summary of the Counterclaim and Disputed Issues;
 - 1.6. Arbitral Tribunal's finding on jurisdiction to resolve the dispute;

- 1.7. The Arbitral Tribunal's opinion on the content of the dispute;
 - 1.8. Basis for issuing the Judgment;
 - 1.9. Dispute resolution results;
 - 1.10. The term for enforcement of Judgment;
 - 1.11. Allocation of arbitration costs and other related costs;
 - 1.12. Signatures of the Arbitrators or Sole Arbitrator.
2. The Arbitral Award shall be issued within 30 days of the conclusion of the final session.
 3. Where an Arbitrator fails to sign the Arbitral Award, this fact must be noted in the Arbitral Award. In such a case, the Arbitral Award remains in force.
 4. The Arbitral Award is final, binding on the parties, and effective from the date of issuance.
 5. The Arbitral Award shall be sent to each party, the Plaintiff and the Defendant, one original copy immediately after its issuance. The parties shall have the right to request the BBIAC to issue a copy of the Arbitral Award and shall pay a fee as prescribed by the BBIAC.

Điều 35. Sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài; ban hành Phán quyết trọng tài bổ sung

1. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa chữa lỗi về chính tả, về

số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia biết. Trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu chính đáng và có chứng cứ về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia, Hội đồng Trọng tài phải ban hành Quyết định sửa chữa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Phán quyết trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể chủ động lập Quyết định sửa chữa các lỗi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích một hoặc một số nội dung không rõ ràng của Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia biết. Trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu chính đáng và có chứng cứ về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia, Hội đồng Trọng tài phải ban hành Quyết định giải thích trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

4. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài ban hành Phán quyết trọng tài bổ sung đối với những yêu cầu được trình bày trong quá trình tố tụng nhưng không được ghi nhận trong Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia biết. Nếu Hội đồng Trọng tài xét yêu cầu này chính đáng và có chứng cứ về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia, Hội đồng Trọng tài phải ban hành Phán quyết trọng tài bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Trong trường hợp có trở ngại khách quan, Hội đồng Trọng tài có thể gia hạn việc sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập Phán quyết trọng tài bổ sung. Thông báo về việc gia hạn phải được gửi cho các bên.

6. Quyết định sửa chữa, Quyết định giải thích hoặc Phán quyết trọng tài bổ sung là một phần của Phán quyết trọng tài và phải được gửi ngay cho các bên sau khi ban hành.
7. Việc sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập Phán quyết trọng tài bổ sung được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 34 của Quy tắc này.

Article 35. Correction and interpretation of the Arbitral Award; issuance of supplementary Arbitral Award

1. Unless the parties have agreed otherwise on the term, within 30 days from the date of receipt of the Arbitral Award, the parties may request the Arbitral Tribunal to correct any spelling, numerical errors, or miscalculations in the Arbitral Award and must immediately notify the other party. In case the Arbitral Tribunal considers the request to be legitimate and there is evidence that the request has been notified to the other party, the Arbitral Tribunal must issue a decision on correction within 30 days from the date of receipt of the request.
2. Within 30 days from the date of issuance of the Arbitral Award, the Arbitral Council may proactively make a decision to correct the errors specified in Clause 1 of this Article.
3. Unless the parties have agreed otherwise on the term, within 30 days from the date of receipt of the Arbitral Award, the parties may request the Arbitral Tribunal to explain one or more unclear contents of the Arbitral Award and must immediately notify the other party. In case the Arbitral Tribunal considers the request to be legitimate and there is evidence that this request has been notified to the other party, the Arbitral Tribunal must issue a decision on interpretation within 30 days from the date of receipt of the request.

4. Unless the parties have agreed otherwise on the term, within 30 days from the date of receipt of the Arbitral Award, a party may request the Arbitral Tribunal to issue a supplementary Arbitral Award in respect of claim presented during the proceedings but not recorded in the Arbitral Award and must promptly notify the other party. If the Arbitral Tribunal considers the request to be legitimate and there is evidence that the request has been notified to the other party, the Arbitral Tribunal must issue a supplementary Arbitral Award within 30 days from the date of receipt of the request.

5. In case of objective obstacles, the Arbitral Tribunal may extend the term for correcting, interpreting the Arbitral Award, or making a supplementary Arbitral Award. Notice of the extension must be sent to the parties.

6. The Decision of Correction, Decision of Interpretation, or supplementary Arbitral Award forms part of the Arbitral Award and must be sent to the parties promptly after its issuance.

7. The correction, interpretation of an Arbitral Award or the making of a supplementary Arbitral Award shall be carried out in accordance with the principles set forth in Article 34 of these Rules.

Điều 36. Phí trọng tài

Phí trọng tài gồm:

1. Chi phí thù lao cho các Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp;
2. Chi phí hành chính của BBIAC liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp;
3. Chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia, chi phí đi lại cho người làm chứng;

4. Chi phí đi lại, chi phí lưu trú và các chi phí có liên quan khác cho các Trọng tài viên trong Hội đồng Trọng tài và thư ký;

5. Chi phí thuê phòng họp và các chi phí liên quan đến việc tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp tại một địa điểm ngoài trụ sở của BBIAC theo sự lựa chọn của các bên.

Article 36. Arbitration fees

Arbitration fees include:

1. Remuneration costs for Arbitrators to resolve disputes;
2. BBIAC's administrative costs in connection with the resolution of the dispute;
3. Costs of appraisal, property valuation, expert consultation costs, travel costs for witnesses;
4. Travel, accommodation, and other related expenses for the arbitrators in the Arbitral Tribunal and the secretary;
5. The cost of meeting room rental and other costs associated with holding the dispute resolution session at a location outside the BBIAC headquarters at the parties' choice.

Điều 37. Nộp phí trọng tài

1. Khi nộp Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, Nguyên đơn phải nộp toàn bộ các khoản phí trọng tài được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Quy tắc này. Các khoản phí này được tính theo giá trị của vụ tranh chấp quy định tại Biểu phí trọng tài của BBIAC đang có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn. Trường hợp trong Đơn khởi kiện hoặc Đơn khởi kiện bổ sung không nêu trị giá tranh

chấp thì mức phí cụ thể do BBIAC quyết định. Trường hợp Nguyên đơn không nộp đủ các khoản phí trọng tài trong thời hạn BBIAC ấn định thì được xem là rút Đơn khởi kiện hoặc Đơn khởi kiện bổ sung, Nguyên đơn không mất quyền nộp lại Đơn khởi kiện hoặc Đơn khởi kiện bổ sung.

2. Khi nộp Đơn kiện lại, Đơn kiện lại bổ sung, Bị đơn phải nộp toàn bộ các khoản phí trọng tài được nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Quy tắc này. Trường hợp bị đơn không nộp đủ các khoản phí trọng tài trong thời hạn BBIAC ấn định thì được xem là rút Đơn kiện lại, Đơn kiện lại bổ sung.

3. Các chi phí nêu tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 36 của Quy tắc này do bên yêu cầu chịu hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ. Trường hợp bên yêu cầu, hoặc bên được phân bổ không nộp đủ các khoản tạm ứng này trong thời hạn quy định thì Hội đồng Trọng tài tạm dừng giải quyết vụ tranh chấp. Một bên có thể nộp thay cho bên kia theo yêu cầu của BBIAC để quá trình tố tụng được tiếp tục.

4. Các chi phí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 36 của Quy tắc này phải được các bên nộp đủ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của BBIAC; Các phí quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 36 của Quy tắc này phải được các bên thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của BBIAC.

5. Theo yêu cầu của bên có nghĩa vụ nộp phí, Hội đồng trọng tài có thể gia hạn thời hạn nộp phí.

6. Trường hợp phát sinh các chi phí hợp lệ sau khi các bên đã nộp đủ chi phí quy định tại Điều này, bên yêu cầu hoặc bên được phân bổ có nghĩa vụ nộp bổ sung trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của BBIAC.

Article 37. Payment of arbitration fees

1. When filing the Petition or Supplementary Petition, the plaintiff must pay all arbitration fees as prescribed in Clauses 1 and 2 of Article 36 of these Rules. These fees shall be calculated according to the value of the dispute as prescribed in the BBIAC's Schedule of Arbitration Fees in effect at the time of filing. In case the value of the dispute is not stated in the Petition or Supplementary Petition, the specific fee shall be decided by the BBIAC. In the event that the plaintiff fails to pay the full arbitration fees within the term set by the BBIAC, it shall be deemed to have withdrawn the Petition or Supplementary Petition, and the Plaintiff shall not lose the right to re-file the Petition or Supplementary Petition.
2. When filing a Counterclaim or Supplementary Counterclaim, the Defendant must pay all arbitration fees as stated in Clause 1 and Clause 2, Article 36 of these Rules. In case the Defendant fails to pay all arbitration fees within the term set by BBIAC, it shall be deemed to have withdrawn the Counterclaim or Supplementary Counterclaim.
3. The costs referred to in Clauses 3, 4, and 5 of Article 36 of these Rules shall be borne by the requesting party or allocated by the Arbitral Tribunal. In case the requesting party or the allocated party fails to pay the full amount of these advances within the prescribed term, the Arbitral Tribunal shall suspend the resolution of the dispute. One party may pay on behalf of the other party upon request of the BBIAC so that the proceedings may continue.
4. The costs specified in Clauses 1 and 2, Article 36 of this Rule must be paid in full by the parties within 15 days from the date of receipt of the notice from BBIAC. The fees specified in Clauses 3, 4, and 5, Article 36 of this Rule must be paid by the parties within 10 days from the date of receipt of the notice from BBIAC.
5. At the request of the party obligated to pay the fee, the Arbitration Council may extend the deadline for payment of the fee.

6. In case valid expenses arise after the parties have fully paid the expenses prescribed in this Article, the requesting party or the allocated party shall be obliged to pay supplementary expenses within 07 days from the date of receipt of BBIAC's notice.

Điều 38. Quyết định về phí trọng tài và các chi phí liên quan

1. Hội đồng Trọng tài quyết định việc phân bổ phí trọng tài cho các bên và phải được ghi nhận trong phán quyết trọng tài, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
2. Trường hợp hòa giải thành theo khoản 2 Điều 28 của Quy tắc này, mỗi bên chịu 50% mức phí trọng tài, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
3. Hội đồng Trọng tài có quyền quyết định một bên phải chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí pháp lý và chi phí hợp lý khác của bên kia.

Article 38. Decision on arbitration fees and related costs

1. The Arbitral Tribunal shall decide on the allocation of the arbitration fees to the parties and shall be recorded in the Arbitral Award, unless the parties otherwise agree.
2. In case of successful conciliation under Clause 2, Article 28 of these Rules, each party shall bear 50% of the arbitration fees, unless otherwise agreed by the parties.
3. The Arbitral Tribunal shall have the power to award one party all or part of the other party's legal costs and other reasonable expenses.

Điều 39. Thủ tục rút gọn

1. Vụ tranh chấp có thể được giải quyết theo Thủ tục rút gọn, nếu các bên có thỏa thuận áp dụng Thủ tục rút gọn.

2. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, khi tiến hành Thủ tục rút gọn, các quy định sau được áp dụng:

2.1 Hội đồng Trọng tài giải quyết tranh chấp theo Thủ tục rút gọn gồm Trọng tài viên duy nhất;

2.2 Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài đã thành lập theo Thủ tục thông thường trong quá trình tố tụng trước đó, Hội đồng Trọng tài giải quyết tranh chấp theo Thủ tục rút gọn chính là Hội đồng Trọng tài đã được thành lập;

2.3 Hội đồng Trọng tài hoặc BBIAC, trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa thành lập, có thể rút ngắn bất kỳ thủ tục nào được quy định trong Quy tắc này;

2.4 Hội đồng Trọng tài căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp không cần sự có mặt của các bên, trừ khi có sự phản đối của một bên. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp bằng hình thức teleconference, video-conference hoặc các hình thức thích hợp khác, trừ khi có sự phản đối của một bên.

3. Khi các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp theo Thủ tục rút gọn, Thủ tục rút gọn được áp dụng ngay cả trong trường hợp thỏa thuận trọng tài có nội dung trái ngược với các điều kiện của Thủ tục rút gọn.

Article 39. Expedited procedures

1. A dispute may be resolved under the Expedited Procedure if the parties have agreed to apply the Expedited Procedure.

2. Unless otherwise agreed by the parties, when conducting the Expedited Procedure, the following provisions shall apply:

2.1. The Arbitral Tribunal shall resolve disputes under the Expedited Procedure consisting of a Sole Arbitrator;

2.2. In case the Arbitral Tribunal has been established under the Ordinary Procedure in the previous proceedings, the Arbitral Tribunal resolving the dispute under the Expedited Procedure is the Arbitral Tribunal that has been established;

2.3. The Arbitral Tribunal, or the BBIAC, where the Arbitral Tribunal has not yet been constituted, may shorten any procedure provided for in these Rules;

2.4. The Arbitral Tribunal shall, based on the available documents and evidence, conduct the hearing without the presence of the parties, unless there is an objection from one party. The Arbitral Tribunal may conduct the hearing by teleconference, videoconference, or other appropriate means, unless there is an objection from one party.

3. Where the parties agree to resolve a dispute under the Expedited Procedure, the Expedited Procedure shall apply even if the arbitration agreement contains provisions contrary to the provisions of the Expedited Procedure.

Điều 40. Điều khoản chung

1. BBIAC không tự giải quyết các vụ tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp được tiến hành bởi Hội đồng Trọng tài.
2. Đối với các vấn đề không được quy định trong Quy tắc này, BBIAC và Hội đồng Trọng tài có quyền hành động theo tinh thần của Quy tắc này và nỗ lực giải quyết vụ tranh chấp một cách công bằng và hiệu quả. Kể từ thời điểm Phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật, BBIAC hoặc Hội đồng Trọng tài không chịu trách nhiệm dưới bất cứ hình thức nào đối với những thiệt hại dù là trực tiếp hoặc gián tiếp phát sinh từ Phán quyết trọng tài.
3. Chủ tịch BBIAC có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch BBIAC ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch BBIAC được quy định trong Quy tắc này.
4. Thư ký BBIAC có nhiệm vụ thực hiện các công việc trong quá trình tố tụng trọng tài theo Quy tắc này, thừa lệnh các hội đồng trọng tài và theo quy định của BBIAC.
5. BBIAC có thể ủy quyền cho các Chi nhánh của BBIAC thực hiện các công việc của BBIAC được quy định trong Quy tắc này.

Article 40. General provisions

1. BBIAC does not resolve disputes itself. Dispute resolution is conducted by the Arbitration Council.
2. In matters not provided for in these Rules, the BBIAC and the Arbitral Tribunal shall act in accordance with the spirit of these Rules and endeavor to resolve the dispute in a fair and efficient manner. From the time the Arbitral Award becomes effective, the BBIAC or the Arbitral Tribunal shall not be liable in any way for any direct or indirect damages arising out of the Arbitral Award.

3. The BBIAC President may authorize a BBIAC Vice President to issue decisions within the authority of the BBIAC President as provided for in these Rules.
4. The BBIAC Secretary shall be responsible for carrying out the work in the arbitration proceedings in accordance with these Rules, on behalf of the arbitral tribunals and in accordance with the regulations of the BBIAC.
5. BBIAC may authorize BBIAC branches to perform BBIAC's work as prescribed in these rules.

CHỦ TỊCH
TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS

MAI TIẾN LUẬT

BBIAC

NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ



NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ

QUY TẮC TỔ TỤNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS

ARBITRAL PROCEEDING RULES OF BIGBOSS INTERNATIONAL COMMERCIAL ARBITRATION CENTER

Chịu trách nhiệm nội dung:
TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS

Responsible for content:
BIGBOSS INTERNATIONAL COMMERCIAL ARBITRATION CENTER

Biên tập & Thiết kế:
LÝ THANH SANG

Editor & Designer:
LY THANH SANG

BBIAC

NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BIGBOSS
BIGBOSS INTERNATIONAL TRADE ARBITRATION CENTER



0979 133 955



www.bbiac.com



No. 25 GS01 Street, West B Quarter, Dong Hoa Ward, Di An City, Binh Duong